

Số: 66/2019/QĐST-HNGĐ

Tân Phú, ngày 01 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 396, 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 57/2019/HNST ngày 23 tháng 01 năm 2019 về việc: yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu việc giải quyết việc dân sự:

Ông Lê Văn L – sinh năm 1977 và bà Phạm Thị Mai T – sinh năm 1975

Cùng địa chỉ : 95/11 P, phường T, quận Tân Phú, Tp.HCM

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn L và bà Phạm Thị Mai T cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét, việc thuận tình ly hôn của ông Lê Văn L và bà Phạm Thị Mai T được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo Đ xã hội. Vì vậy, cần áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, công nhận ông Lê Văn L và bà Phạm Thị Mai T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Lê Văn L và bà Phạm Thị Mai T cùng xác nhận có 02 người con chung tên Lê Phạm Thiên Đ – sinh ngày 29/04/2004 và Lê Mai Thanh T – sinh ngày 22/11/2006. Ông bà thỏa thuận con chung Lê Phạm Thiên Đ – sinh ngày 29/04/2004 do ông Lê Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, con chung Lê Mai T Tâm – sinh ngày 22/11/2006 do bà Phạm Thị Mai T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Thỏa thuận về con chung của ông Lê Văn L và bà Phạm Thị Mai T phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: ông Lê Văn L và bà Phạm Thị Mai T cùng xác nhận không có.

[4] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do ông Lê Văn L và bà Phạm Thị Mai T phải nộp nhưng được cản trở vào tiền tạm ứng lệ phí do ông Lê Văn L và bà Phạm Thị Mai T đã nộp theo biên lai số AA/2017/0012440 ngày 23/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Văn L và bà Phạm Thị Mai T cùng thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số 01, ngày 29/8/2003 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh H cấp cho các đương sự không còn giá trị pháp lý kể từ ngày quyết định này của Tòa án có hiệu lực.

Về con chung: giao con chung tên Lê Phạm Thiên Đ – sinh ngày 29/04/2004 do ông Lê Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, con chung Lê Mai Thanh T – sinh ngày 22/11/2006 do bà Phạm Thị Mai T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Ông Lê Văn L và bà Phạm Thị Mai T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Hai bên đương sự cùng xác nhận không có.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do ông Lê Văn L và bà Phạm Thị Mai T chịu nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng lệ phí do ông Lê Văn L và bà Phạm Thị Mai T đã nộp theo biên lai số AA/2017/0012440 ngày 23/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Văn L và bà Phạm Thị Mai T đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Hiền